

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NINH
KHỐI LỚP 7
(Năm học 2022 - 2023)

I. Đặc điểm tình hình:

1. Số lớp 07; Số học sinh: 317; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 17; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 01; Đại học: 13 ; Trên đại học: 03.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 10 ; Khá: 05; Đạt: 02 ; Chưa đạt: 0.

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, máy chiếu, bài giảng, SGK, tài liệu tham khảo.	8	Bài 7. Thực hành lịch sử: Tái hiện lịch sử	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

II. Kế hoạch dạy học:

1. Phân phối chương trình:

STT	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I - 18 TUẦN (18 TIẾT) CHỦ ĐỀ 1: VĂN HÓA, LỊCH SỬ, TRUYỀN THÔNG			
1	Bài 1. Quảng Ninh từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI	2 (1,2)	1. Kiến thức – Trình bày được tên gọi tỉnh Quảng Ninh hiện nay qua các thời kì. – Khái quát được lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. 2. Năng lực – Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, sáng tạo và giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác. – Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử về tên gọi tỉnh Quảng Ninh hiện nay qua các thời kì từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Mô tả và khái quát các nội dung chính của lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, kiến trúc của vùng đất Quảng Ninh từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI. + Năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học trong bài để giải thích tên gọi của Quảng Ninh và một số hiện tượng lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn Quảng Ninh hiện nay. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá của quê hương Quảng Ninh.
2	Bài 2. Chiến thắng trên sông Bạch Đằng.	2 (3, 4, 5)	1. Kiến thức – Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là bình minh của lịch sử dân tộc.

			– Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 981 là niềm tự hào của lịch sử dân tộc. – Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là mốc son chói lọi của lịch sử dân tộc. 2. Năng lực – Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, sáng tạo và giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác. – Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Trình bày diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa của các chiến thắng Bạch Đằng năm 938, năm 981 và năm 1288 trên lược đồ; phân tích, lí giải tác động của các sự kiện chiến thắng Bạch Đằng năm 938, năm 981 và năm 1288 đối với lịch sử dân tộc Việt Nam. + Năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để đánh giá tác động của một số nhân vật lịch sử, sự kiện và các di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng. 3. Phẩm chất – Trân trọng những đóng góp của các nhân vật lịch sử đối với quê hương Quảng Ninh. – Tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của vùng đất Quảng Ninh.
3	Bài 3. Bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	2 (6, 7)	1. Kiến thức – Trình bày được địa điểm phát hiện của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. – Giới thiệu được giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. 2. Năng lực – Năng lực chung: Năng lực tổng hợp, khái quát hoá, hệ thống hoá các kiến thức. – Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức khoa học về các giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. + Năng lực tìm hiểu tự nhiên, xã hội: giải thích được các giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia.

			+ Năng lực giao tiếp, hợp tác, thảo luận, thuyết trình để làm việc nhóm, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc bảo tồn các bảo vật quốc gia. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức bảo tồn các bảo vật quốc gia.
4	Ôn tập giữa HKI	1 (8)	1. Kiến thức - Hệ thống hóa lại kiến thức các bài đã học về tên gọi tỉnh Quảng Ninh qua các thời kì, đặc điểm lịch sử văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; chiến thắng trên sông Bạch Đằng và đặc điểm các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. 2. Kỹ năng - Rèn luyện lại các kỹ năng đã hình thành trong các tiết học. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức tự giác, nỗ lực, trung thực trong học tập.
5	Kiểm tra giữa HKI	1 (9)	1. Kiến thức - Đánh giá được kiến thức của học sinh trong học kì I 2. Kỹ năng Rèn các kỹ năng : Làm bài cho học sinh. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức tự giác, nỗ lực, trung thực trong học tập. - Hình thức kiểm tra: tự luận và trắc nghiệm.
6	Bài 4. Thương cảng Vân Đồn.	2 (10,11)	1. Kiến thức – Trình bày được thương cảng Vân Đồn là thương cảng quốc tế quan trọng của đất nước. – Giới thiệu được vai trò của thương cảng Vân Đồn: giao thương phát triển kinh tế; giao lưu văn hoá, tôn giáo; mở rộng các mối quan hệ bang giao của nước ta. 2. Năng lực – Năng lực tự chủ và tự học, sáng tạo và giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác. – Năng lực đặc thù:

			+ Năng lực tìm hiểu lịch sử về sự ra đời và phát triển của thương cảng Vân Đồn. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: phân tích vai trò của thương cảng Vân Đồn từ thế kỉ XII đến XVIII. + Năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để phân tích và đánh giá vai trò của thương cảng Vân Đồn trong cuộc sống hiện tại. 3. Phẩm chất - Có ý thức tôn trọng, giữ gìn và bảo tồn các di tích lịch sử của tỉnh Quảng Ninh.
7	Bài 5. Vịnh Hạ Long với giá trị văn hóa, lịch sử.	3 (12, 13, 14)	1. Kiến thức – Trình bày được sự hiểu biết về các di chỉ khảo cổ của văn hoá Hạ Long. – Giới thiệu được một vài nét lịch sử, văn hoá của vùng đất, con người Hạ Long. 2. Năng lực – Năng lực chung: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. – Năng lực đặc thù: + Nhận thức và tư duy lịch sử: Dựa vào lược đồ và bảng hệ thống kiến thức mô tả được những nét chính về vị trí, địa điểm phân bố, thời gian phát hiện địa điểm khảo cổ và một số nét chính về đặc điểm các di chỉ khảo cổ. + Vận dụng kiến thức được học để phân tích, đánh giá ý nghĩa, vai trò của lịch sử, văn hoá con người, vùng đất Hạ Long tác động đến cuộc sống hiện tại của con người Hạ Long, Quảng Ninh. 3. Phẩm chất – Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết về lịch sử, văn hoá con người và vùng đất Hạ Long. – Trung thực: Biết tôn trọng giữ gìn và bảo tồn các di vật khảo cổ. – Trách nhiệm: Tôn trọng các quy định khi đến các địa điểm thăm quan, đặc biệt là các điểm tham quan về di tích lịch sử, khảo cổ.
8	Bài 6. Phật hoàng Trần Nhân Tông với	1 (15)	1. Kiến thức – Trình bày được quá trình tu hành của Phật hoàng Trần Nhân Tông.

	Quảng Ninh (tiết 1).		– Giới thiệu được am Ngoạ Vân – nơi viên tịch của Phật hoàng Trần Nhân Tông. 2. Năng lực – Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác. – Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức khoa học về các quá trình tu hành của Phật hoàng Trần Nhân Tông. + Năng lực tìm hiểu tự nhiên, xã hội: giới thiệu được am Ngoạ Vân – nơi viên tịch của Phật hoàng Trần Nhân Tông. + Năng lực vận dụng vào thực tế, thảo luận, thuyết trình để làm việc nhóm. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức bảo tồn các giá trị văn hoá.
9	Ôn tập cuối HKI	1 (16)	1. Kiến thức - Hệ thống hóa lại kiến thức các bài đã học về một phần kiến thức đã học trong nửa đầu KHI và đặc điểm của thương cảng Vân Đồn, vịnh Hạ Long, Phật hoàng Trần Nhân Tông. 2. Kỹ năng - Rèn luyện lại các kỹ năng đã hình thành trong các tiết học. 3. Phẩm chất - Có ý thức tôn trọng, giữ gìn và bảo tồn các di tích lịch sử của tỉnh Quảng Ninh.
10	Kiểm tra cuối HKI	1 (17)	1. Kiến thức - Đánh giá được kiến thức của học sinh trong học kì I (Bài 4,5,6) 2. Kỹ năng Rèn các kỹ năng : Làm bài cho học sinh 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức tự giác, nỗ lực, trung thực trong học tập. - Hình thức kiểm tra: tự luận và trắc nghiệm.
11	Bài 6. Phật hoàng Trần Nhân Tông với	1 (18)	1. Kiến thức – Trình bày được quá trình tu hành của Phật hoàng Trần Nhân Tông.

	Quảng Ninh (tiết 2) .		– Giới thiệu được am Ngoạ Vân – nơi viên tịch của Phật hoàng Trần Nhân Tông. 2. Năng lực – Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác. – Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức khoa học về các quá trình tu hành của Phật hoàng Trần Nhân Tông. + Năng lực tìm hiểu tự nhiên, xã hội: giới thiệu được am Ngoạ Vân – nơi viên tịch của Phật hoàng Trần Nhân Tông. + Năng lực vận dụng vào thực tế, thảo luận, thuyết trình để làm việc nhóm. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức bảo tồn các giá trị văn hoá.
HỌC KÌ II - 17 TUẦN (17 TIẾT)			
12	Bài 7. Thực hành lịch sử - Tái hiện lịch sử.	2 (19,20)	1. Kiến thức -Tham gia các hoạt động giáo dục tại Bảo tàng Quảng Ninh (hoặc tại thực địa, qua các kênh thông tin): giới thiệu được những chiếc cọc gỗ lim được trưng bày trong bảo tàng; các di chỉ khảo cổ của nền văn hoá Hạ Long; các Bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh (viết bài hoặc làm các sản phẩm). 2. Năng lực – Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, sáng tạo và giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác. – Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: HS khai thác thông tin qua các tư liệu, hiện vật lịch sử. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Mô tả và giới thiệu những nét chính về những chiếc cọc gỗ lim, di chỉ khảo cổ của nền văn hoá Hạ Long và các Bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh. 3. Phẩm chất - Có ý thức tôn trọng, giữ gìn và bảo tồn các di tích lịch sử của tỉnh Quảng Ninh.
13	Bài 8. Thể thao	2 (21, 22)	1. Kiến thức

	vùng mỏ.		– Trình bày được vai trò của thể thao với đời sống của người dân Quảng Ninh. – Kể tên/ giới thiệu được một số môn thể thao có thành tích cao và vận động viên, huấn luyện viên tiêu biểu của Quảng Ninh. 2. Năng lực – Năng lực chung: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong rèn luyện thân thể, biết tổng hợp, so sánh các số liệu. – Năng lực đặc thù: Tìm hiểu về hoạt động xã hội, hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí. - Nhận thức giá trị về thể chất, thẩm mỹ. Nhận thức được sở thích, khả năng thể thao của bản thân. Có khả năng diễn đạt về nội dung cần trình bày. 3. Phẩm chất – Bồi dưỡng tình yêu cuộc sống, giáo dục ý thức chăm chỉ rèn luyện thân thể. – Hiểu rõ hơn lợi ích của rèn luyện thân thể, tự hào về thành tích thể thao của tỉnh Quảng Ninh, sẵn sàng lựa chọn môn thể thao yêu thích.
14	Bài 9. Văn hóa ứng xử trong trường học ở Quảng Ninh.	3 (23, 24, 25)	1. Kiến thức – Liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở tỉnh Quảng Ninh. – Biết thực hành ứng xử văn hoá trong nhà trường. 2. Năng lực – Năng lực chung: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo. – Năng lực đặc thù: + Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức đối với bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt. + Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi. + Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và

			đời sống; không đua đòi, ăn diện, lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy; không cổ vũ hoặc làm những việc xấu. 3. Phẩm chất – Nhân ái: Yêu thương mọi người, không kì thị, phân biệt đối xử,... – Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên trong học tập, tích cực tham gia các hoạt động tập thể, cộng đồng. – Trung thực: Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người; khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử. – Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội.
15	Ôn tập giữa HKII	1 (26)	1. Kiến thức - Hệ thống hóa lại kiến thức các bài đã học về đặc điểm thể thao vùng mở Quảng Ninh và văn hóa ứng xử trong trường học ở Quảng Ninh. 2. Kỹ năng - Rèn luyện lại các kỹ năng đã hình thành trong các tiết học, đặc biệt là tiết thực hành: Tái hiện lịch sử. 3. Phẩm chất - Rèn luyện các phẩm chất: Yêu thương, nhân ái, trách nhiệm, tình yêu cuộc sống...
16	Kiểm tra giữa HKII	1 (27)	1. Kiến thức - Đánh giá được kiến thức của học sinh trong học kì II ở một số bài 7,8,9. 2. Kỹ năng - Rèn các kỹ năng làm bài cho học sinh. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức tự giác, nỗ lực, trung thực trong học tập. - Hình thức kiểm tra: tự luận và trắc nghiệm.
CHỦ ĐỀ 2. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG			
17	Bài 10. Đặc điểm dân cư tỉnh Quảng Ninh.	2 (28, 29)	1. Kiến thức – Trình bày được đặc điểm dân số (quy mô, gia tăng, cơ cấu) dân tộc, phân bố dân cư của tỉnh. – Đọc được biểu đồ quy mô dân số. Xác định được trên bản đồ một số đô thị. – Biết cách sưu tầm tư liệu và viết báo cáo về một trong các đặc điểm dân cư

			của tỉnh. – Phân tích được ảnh hưởng của đặc điểm dân số đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. – Đề xuất được các giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra hiện nay với dân số của tỉnh (sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế các dân tộc, mất cân bằng giới tính). 2. Năng lực – Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao. + Tự chủ và tự học: Chủ động trong tìm kiếm thông tin, bài viết về các nội dung dân số và dân tộc ở địa phương. – Năng lực đặc thù: + Biết phân tích lược đồ về sự phân bố dân cư, đô thị; biểu đồ cơ cấu dân tộc, dân số và sự gia tăng dân số. + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phân tích sự tác động của các đặc điểm dân số đến phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. + Khai thác Internet phục vụ môn học: Tìm kiếm thông tin về địa phương, nét văn hoá độc đáo của dân tộc, sự tác động của đô thị hoá đến phát triển kinh tế – xã hội và môi trường để viết báo cáo. 3. Phẩm chất – Tích cực, chủ động tham gia các phong trào về dân số (tuyên truyền chính sách dân số KHHGĐ, mất cân bằng giới tính,...). – Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá, có ý thức trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá các dân tộc thiểu số.
CHỦ ĐỀ 3. CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI			
18	Bài 11. Phòng chống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.	2 (30, 31)	1. Kiến thức – Giải thích được thế nào là bạo lực học đường và tệ nạn xã hội, nhận diện các loại bạo lực học đường và tệ nạn xã hội ở Quảng Ninh. – Biết thực hành ứng phó với các tình huống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội. 2. Năng lực

			– Năng lực chung: Năng lực phán đoán, nhận biết, giải quyết vấn đề; hiểu biết nhu cầu cá nhân; biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng. – Năng lực đặc thù: Năng lực tìm hiểu xã hội, nhận biết các vấn đề xã hội, biết ứng xử phù hợp trong từng hoàn cảnh. Ứng dụng công nghệ để kịp thời thông tin với nhà trường, với cơ quan chức năng. Năng lực giao tiếp, thuyết phục trong thực hiện các quy định của lớp, của nhà trường. 3. Phẩm chất – Trân trọng danh dự, sức khoẻ và cuộc sống riêng tư của người khác. – Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế. – Giáo dục ý thức trung thực, trách nhiệm trong học tập và cuộc sống; thống nhất giữa lời nói và việc làm.
CHỦ ĐỀ 4. MÔI TRƯỜNG			
19	Bài 12. Tác động môi trường của một số hoạt động sản xuất và dịch vụ ở Quảng Ninh (tiết 1).	1 (32)	1. Kiến thức – Tìm hiểu thực trạng môi trường trong các hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh và địa phương nơi HS sống. – Biết được một số định hướng chính của tỉnh Quảng Ninh về bảo vệ môi trường. – Đề xuất một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh. 2. Năng lực – Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. – Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức khoa học về thực trạng môi trường trong các hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh. + Năng lực tìm hiểu tự nhiên, xã hội: giải thích được nguyên nhân, các biểu hiện của việc ô nhiễm môi trường, từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp để bảo vệ môi trường. + Năng lực giao tiếp, hợp tác, thảo luận, thuyết trình để làm việc nhóm, vận

			dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào bảo vệ môi trường nơi em sống. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
20	Ôn tập cuối HKII	1 (33)	1. Kiến thức - Hệ thống hóa lại kiến thức các bài đã học về một phần kiến thức đã học trong HK II và đặc điểm dân cư tỉnh Quảng Ninh, vấn đề phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội; tác động môi trường của một số hoạt động ở Quảng Ninh. 2. Kỹ năng - Rèn luyện lại các kỹ năng đã hình thành trong các tiết học. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức tự giác, nỗ lực, trung thực trong học tập. - Hình thức kiểm tra: tự luận và trắc nghiệm.
21	Kiểm tra cuối HKII	1 (34)	1. Kiến thức - Đánh giá được kiến thức của HS đã hình thành được qua các bài đã học (chủ yếu là Bài 10, 11, 12). 2. Kỹ năng - Rèn luyện lại các kỹ năng đã hình thành trong các tiết học. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức tự giác, nỗ lực, trung thực trong học tập. - Hình thức kiểm tra: tự luận và trắc nghiệm.
22	Bài 12. Tác động môi trường của một số hoạt động sản xuất và dịch vụ ở Quảng Ninh (tiết 2) .	1 (35)	1. Kiến thức – Tìm hiểu thực trạng môi trường trong các hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh và địa phương nơi HS sống. – Biết được một số định hướng chính của tỉnh Quảng Ninh về bảo vệ môi trường. – Đề xuất một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh. 2. Năng lực

			– Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. – Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức khoa học về thực trạng môi trường trong các hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh. + Năng lực tìm hiểu tự nhiên, xã hội: giải thích được nguyên nhân, các biểu hiện của việc ô nhiễm môi trường, từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp để bảo vệ môi trường. + Năng lực giao tiếp, hợp tác, thảo luận, thuyết trình để làm việc nhóm, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào bảo vệ môi trường nơi em sống. 3. Phẩm chất - Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
--	--	--	---

2. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức kiểm tra, đánh giá (4)
Thường xuyên (1)	Miệng	Tuần 2,3, 4, 5	Kiểm tra kiến thức các bài 1,2	Trắc nghiệm
Thường xuyên (2)	15 phút	Tuần 6	Kiểm tra kiến thức bài 3	Trắc nghiệm và tự luận
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Hệ thống và kiểm tra toàn bộ kiến thức đã học của bài 1, 2, 3.	Làm bài thu hoạch.
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	Hệ thống và kiểm tra toàn bộ kiến thức đã học của bài 4, 5, 6.	Trắc nghiệm và tự luận
Thường xuyên (3)	Miệng	Tuần 18,19,22,23	Kiểm tra kiến thức các bài 7,8,9	Trắc nghiệm
Thường xuyên (4)	15 phút	Tuần 24	Kiểm tra kiến thức bài 9	Trắc nghiệm và tự luận.
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	Hệ thống và kiểm tra toàn bộ kiến thức đã học của bài 7, 8, 9.	Làm bài thu hoạch.

Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 34	Hệ thống và kiểm tra toàn bộ kiến thức đã học của bài 10, 11, 12.	Trắc nghiệm và tự luận
---------------	---------	---------	---	------------------------

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....